

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 64/2022/DS - ST

Ngày : 20/5/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng thẻ tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Thị Tuyết

-Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân Hàng thương mại cổ phần SGTT

Trụ sở: Lầu 8-266-268 NKKN, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà NĐTD–Tổng Giám đốc Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTT, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 NKKN, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 431/2021/UQ -TTT ngày 01/4/2021)

2.Bị đơn: Bà ĐTHH, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 98A -100 PH, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án ông PTT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào các ngày 06/7/2012 và 18/7/2012 bà ĐTHH có ký với Ngân Hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân Hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát Hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng chung cho 2 thẻ là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 06/7/2012 Ngân Hàng cấp thẻ Visa Credit Classic, số thẻ 472074-39173, lãi suất là 2.15%/tháng. Ngày 18/7/2012 ngân Hàng cấp thẻ Family Local Credit, số thẻ 970403-8857, lãi suất 2,5%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi

được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.521.222 đồng (gồm thẻ Visa là 19.021.222 đồng, thẻ Family là 18.500.000 đồng). Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo thứ tự các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua bán Hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua bán Hàng hóa trong kỳ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân Hàng đã nhắc nhở trả nợ nhưng bà H không thực hiện. Ngày 23/7/2015 Ngân Hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/4/2021 là 43.370.380 đồng, cụ thể thẻ Visa nợ gốc là 7.689.968 đồng, nợ lãi quá hạn 17.402.035 (lãi suất 3,225%/1 tháng). Thẻ Family nợ gốc là 5.033.721 đồng, nợ lãi quá hạn 13.244.660 đồng (lãi suất 3,75%/1 tháng). Ngân Hàng yêu cầu bà ĐTHH phải trả cho Ngân Hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2021 là 43.370.384 đồng (Bốn mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngHn, ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc của 2 thẻ là 12.723.689 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.646.695 đồng. Bà H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/4/2021 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà ĐTHH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà ĐTHH phải thanh toán cho ngân Hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/5/2022 là 49.033.835 đồng, trong đó nợ gốc là 12.723.689 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.310.146 đồng.

Ngoài ra, bà H còn có trách nhiệm thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2022 cho đến khi bà H trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản, điều kiện phát Hành, sử dụng thẻ tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”, do bị đơn bà ĐTHH có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà ĐTHH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

*Về nội dung:

[1] Về yêu cầu đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, vào các ngày 06/7/2012 và 18/7/2012, Ngân Hàng đã cấp 2 thẻ tín dụng cho bà ĐTHH, hạn mức tín dụng chung cho 2 thẻ là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng cho thẻ Visa Credit Classic là 2.15%/tháng, thẻ Family Local Credit 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.521.222 đồng (gồm thẻ Visa là 19.021.222 đồng, thẻ Family là 18.500.000 đồng). Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/7/2015 Ngân Hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/5/2022 là 49.033.835 đồng, cụ thể thẻ Visa nợ gốc là 7.689.968 đồng, nợ lãi quá hạn 20.617.898 đồng (lãi suất 3,225%/1 tháng), thẻ Family nợ gốc là 5.033.721 đồng, nợ lãi quá hạn 15.692.248 đồng (lãi suất 3,75%/1 tháng). Ngân Hàng yêu cầu bà ĐTHH phải trả cho Ngân Hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/5/2022 là 49.033.835 đồng, trong đó nợ gốc của 2 thẻ là 12.723.689 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.310.146 đồng. Bà H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/5/2022 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách Hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh bà H đã được Ngân Hàng cấp 2 thẻ tín dụng nêu trên, số tiền bà H thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, bà H hiện còn nợ ngân Hàng số tiền nợ gốc là 12.723.689 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà H trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về lãi suất:

Căn cứ thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân Hàng quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2.15%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn(3,225%/tháng) và Thông báo số 314 ngày 22/5/2012 quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Family là 2.5%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn(3,75%/tháng).

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát Hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân Hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu

cầu bà H trả số nợ lãi quá hạn 36.310.146 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy tổng số tiền bà H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân Hàng, gồm nợ gốc và nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 49.033.835 đồng. Bà H còn nghĩa vụ thanh toán tiếp khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bà H đến tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bà H vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước tòa.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà ĐTHH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.451.691 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 694.806 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi Hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

- Buộc bà ĐTHH phải thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần SGTT tổng số tiền nợ của 2 thẻ tín dụng là 49.033.835 đồng(bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi ba ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc của 2 thẻ là 12.723.689 đồng(mười hai triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 36.310.146 đồng(ba mươi sáu triệu ba trăm mười ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng), [gồm thẻ Visa nợ gốc là 7.689.968 đồng(bảy triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn 20.617.898đồng(hai mươi triệu sáu trăm mười bảy ngàn tám trăm chín mươi tám đồng), thẻ Family nợ gốc là 5.033.721 đồng(năm triệu không trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi một đồng), nợ lãi quá hạn 15.692.248 đồng(mười lăm triệu sáu

trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng). Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/7/2012 và ngày 18/7/2012.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi Hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân Hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân Hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân Hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà ĐTHH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.451.691 đồng(hai triệu bốn trăm năm mươi một ngàn sáu trăm chín mươi một đồng).

Hoàn lại cho Ngân Hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 694.806 đồng(sáu trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm lẻ sáu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2018-0005428 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự ; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TPHCM
- VKSQ5
- Chi cục THADSQ5
- Dương sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Liên

